

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT THÁNG 4 NĂM 2016

1. Thời gian giám sát: Ngày 01.4 đến 29.4. 2016

2. Địa điểm: Các khoa phòng trong toàn bệnh viện

3. Nội dung giám sát: Xem chi tiết phần kết quả.

4. Người thực hiện giám sát:

- Mạng lưới ksnk điều dưỡng trưởng

5. Kết quả giám sát

5.1. Tỷ lệ (%) tuân thủ vệ sinh tay (VST) thường quy:

TT	Đơn vị	Số cơ hội có VST	Số cơ hội cần VST	Tỷ lệ %	DD VST Thực lĩnh	Số NBTB/ Tháng	Số DD/ NB/ Tháng (20ml/30 ngày/NB)	Tỷ lệ %
1	Nhi	13	13	100	24	63	37.800 ml	63
2	CTCH	54	59	93	8	39	23.400 ml	37
3	Sản	48	48	100	18	41	24.600 ml	77
4	Nội TH	8	11	73	8	53	31.800 ml	27
5	Nội TM-NT	10	12	83	10	54	32.400 ml	31
6	Yêu cầu				0	20	12.000 ml	0
7	TCCĐ- Thận	54	54	100	10	66	39.600 ml	25
8	PHCN				4	20	12.000 ml	33
9	A10	9	9	100	7	13	8.060 ml	78
10	Truyền nhiễm	4	4	100	16	37	22.200 ml	74
11	Da liễu	4	4	100	1	17	10.200 ml	9
12	Tâm thần	4	4	100	2	17	10.200 ml	18
13	Lão khoa				0	34	20.400 ml	0

14	YHCT				10	30	18.000 ml	48
15	Cấp cứu	8	8	100	0	11	6.600 ml	0
16	Răng hàm mặt	4	4	100	9	11	6.600 ml	100.25
17	Tai mũi họng				2	33	19.800 ml	10
18	Mắt	4	4	100	2	16	9.600 ml	22
19	Ngoại TH	51	51	100	0	48	28.800 ml	0
20	Ung bướu	8	8	100	4	21	12.600 ml	32
21	Huyết học TM				15	16	9.600 ml	100.67
22	P.Khám	12	12	100	10	2.616	26.160 ml	38
	Tổng	295	305	97	160	660	422.160ml	38 %

- Tỷ lệ tuân thủ VST chung tính theo WHO đạt 38 %.

- Tỷ lệ tuân thủ VST chung tính theo phiếu giám sát đạt 97 %.

6. Tỷ lệ % dung dịch VST/Tổng số NB điều trị toàn viện/ngày.

Tháng/ngày	Tổng số NB TB điều trị /ngày	TS DD Thực lĩnh/ 22 khoa điều trị	Số DD cần / NB/ Tháng (20ml/ngày/NB)	Tỷ lệ %
Tháng 4/2016	660	160.000 ml	422.160 ml	38

6. Kết luận

- Tuân thủ VST theo phiếu giám sát đạt 97 %

- Tuân thủ VST theo WHO đạt 38 %, và TBNB toàn viện 38 %.

NGƯỜI BÁO CÁO



Bùi Thị Mai

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Điệp

LÃNH ĐẠO DUYỆT



BS. CKII Nguyễn Quốc Dũng

BAO CAO KET QUA GIAM SAT THANG 4 NAM 2016

KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

1. Thời gian giám sát: Ngày 01.4 đến 29.4. 2016

2. Địa điểm: Các khoa phòng trong toàn bệnh viện

3. Nội dung giám sát: Xem chi tiết phần kết quả.

4. Người thực hiện giám sát:

- Nhóm giám sát ksnk

5. Kết quả giám sát

5.1. Tỷ lệ (%) tuân thủ vệ sinh tay (VST) thường quy:

TT	Đơn vị	Số cơ hội cần VST	Số cơ hội có VST	Tỷ lệ %
1	Nhi	13	12	92
2	CTCH	8	5	63
3	Nội TH	13	10	77
4	Nội TM-NT	7	5	71
5	Yêu cầu	4	3	75
6	Lão khoa	11	9	82
7	YHCT	2	2	100
8	Cấp cứu	6	6	100
9	Ngoại TH	8	4	50
10	Ung bướu	8	4	50
	Tổng	80	60	75

- Tỷ lệ tuân thủ VST chung tính theo phiếu giám sát đạt 75 % .

5.2 Tỷ lệ tuân thủ sai.

5.2.1. Khoa nhi: HV Hường (TTM sau dịch cơ thể không VST ngày 22/4)

5.2.2. Khoa nội TH: HV Tam (TVK không VST ngày 11/4) ĐDV Sim (1NB-SNB- TVK không VST ngày 5/4) G41 NB truyền dịch không mặc quần BV

5.2.3. Khoa ung bướu: Hộ sinh Nhi (SNB-TVK-SDCT-TVK không VST ngày 20/4)

5.2.4. Khoa nội TM-NT: ĐDV Nho TVK-TNB không VST ngày 11/4, P6 NB không mặc quần BV khi thực hiện chuyên môn- vò chai dịch truyền để cửa sổ ngày 5/4)

5.2.5. Khoa Lão khoa: HV Hiền (TTM không VST khi tiêm TNB-SNB-TVK-SDCT ngày 11/4)

5.2.6. Khoa Ngoại TH: HV Trang- Ngọc (TTM không VST khi tiêm TVK-TNB ngày 19/4)

5.2.6. Khoa CTCH: HV Thúy(TVK –SNB-TVK không VST)- Trâm anh (TNB-SNB-TVK-SDCT không VST ngày 19/4)

5.2.7. Khoa Yêu cầu: ĐDV Ngân (SNB- TVK không VST ngày 6/4)

6. Kết luận

- Tuân thủ VST theo phiếu giám sát đạt **75 %**

NGƯỜI BÁO CÁO

Bùi Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Điệp

LÃNH ĐẠO DUYỆT



K/T GIÁM ĐỐC
CHỦ GIÁM ĐỐC

BS. CK II *Nguyễn Quốc Dũng*